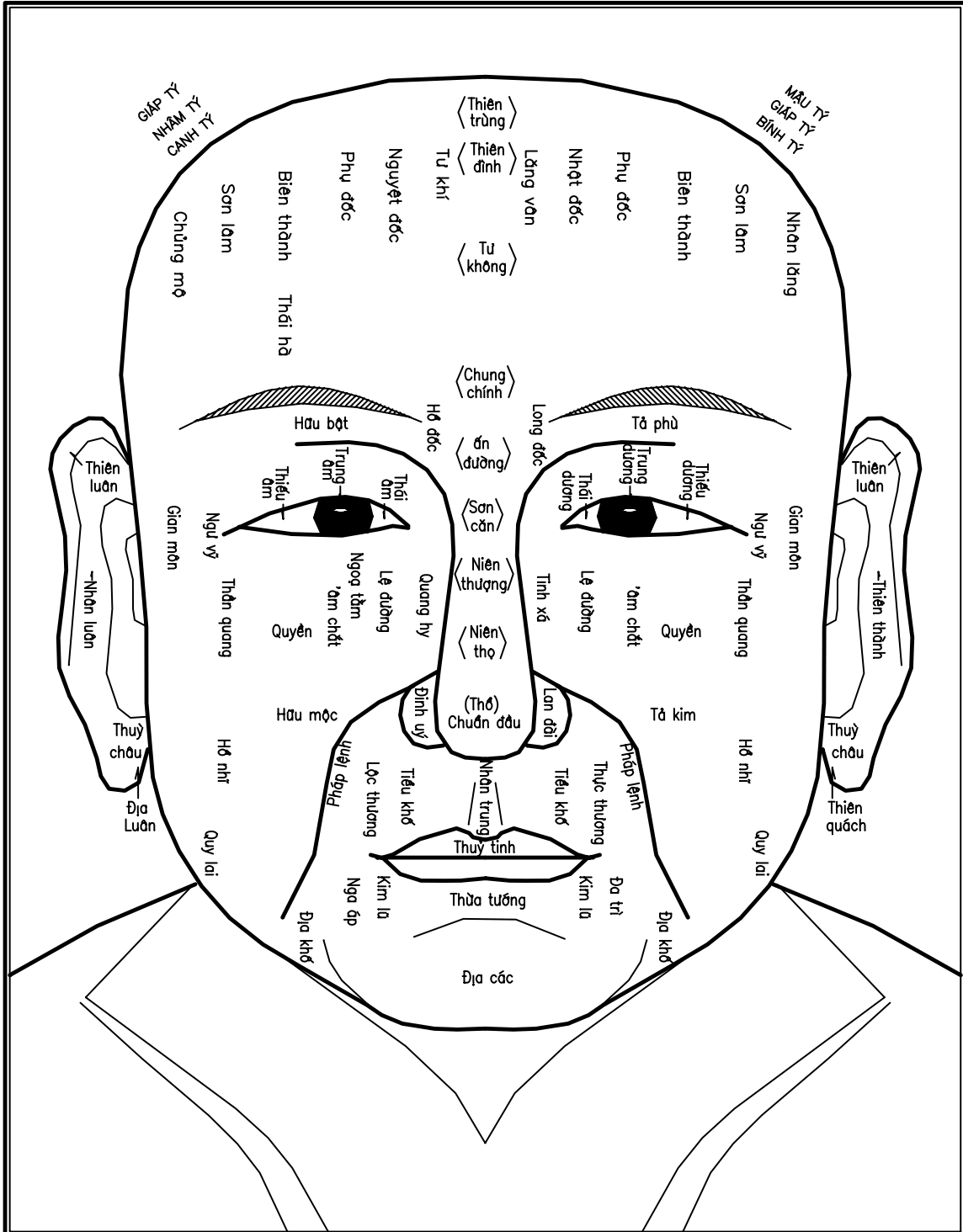
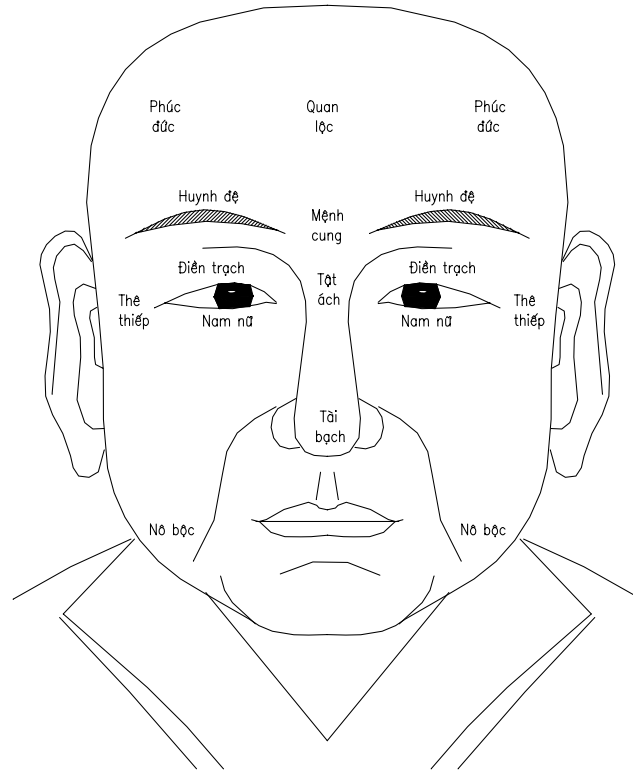


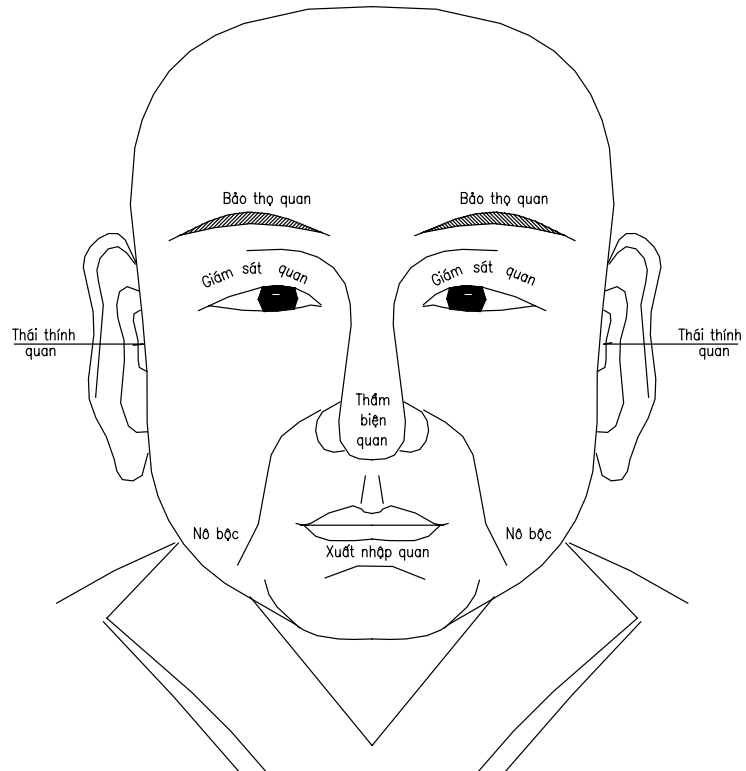
BỘ DIỆN TỔNG ĐỒ



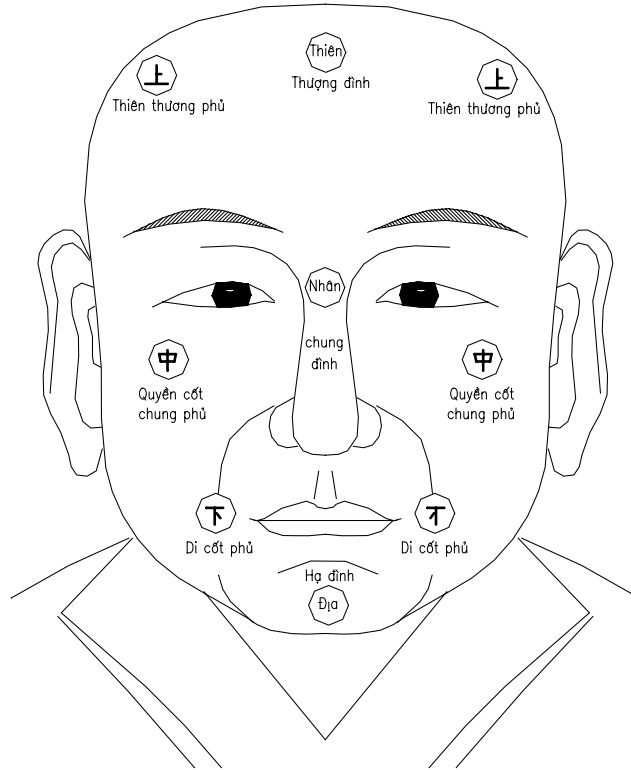
NGŨ QUAN ĐỒ



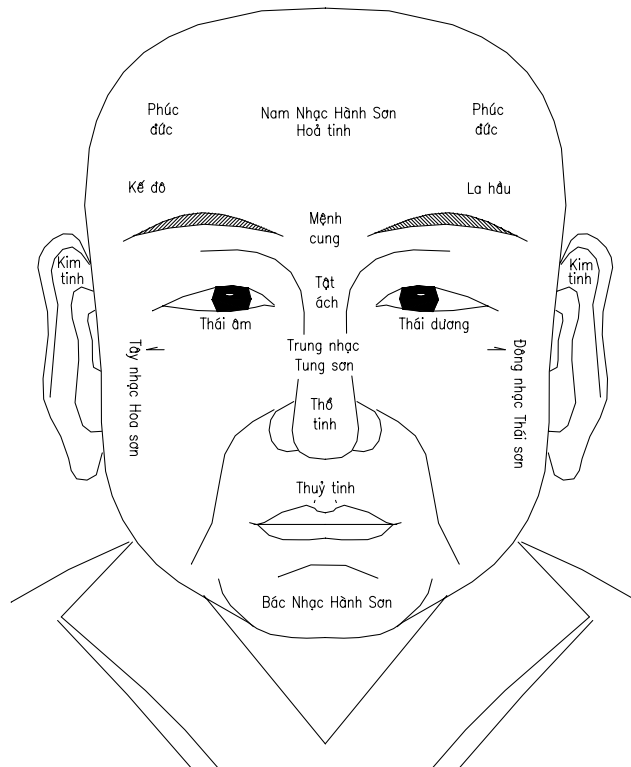
THẬP NHỊ CUNG ĐỒ



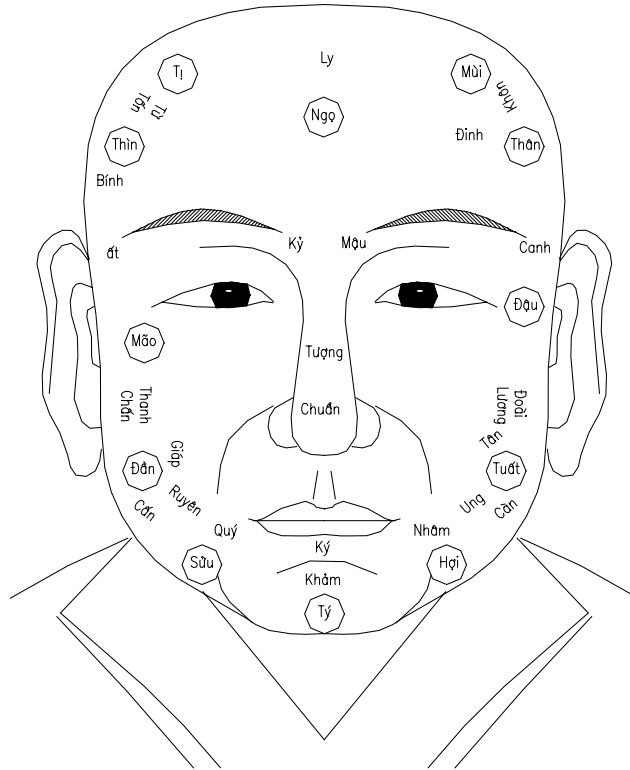
LỤC PHỦ TAM TÀI
TAM ĐÌNH ĐỒ



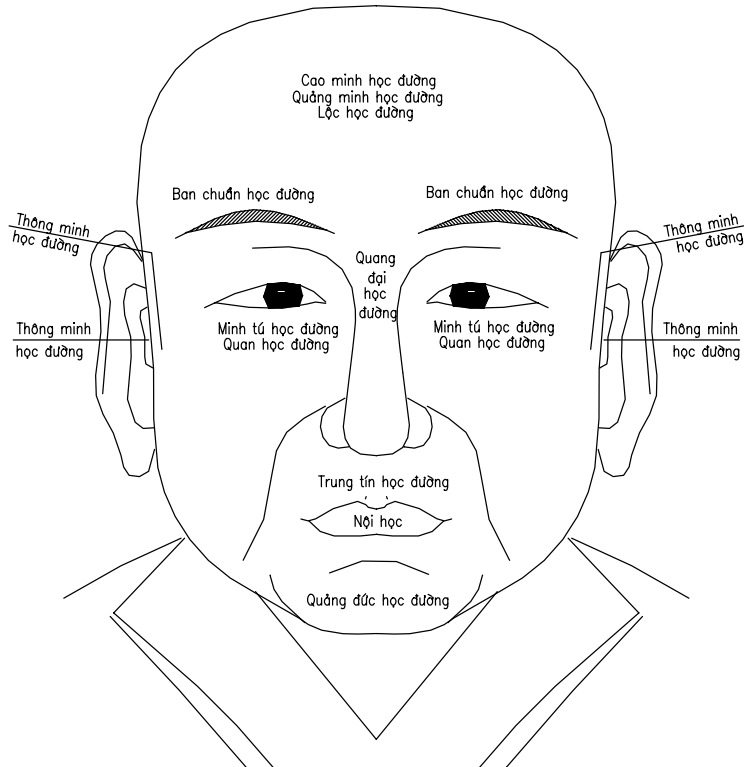
NGŨ TINH LỤC ĐIỆN
NGŨ NHẠC ĐỒ



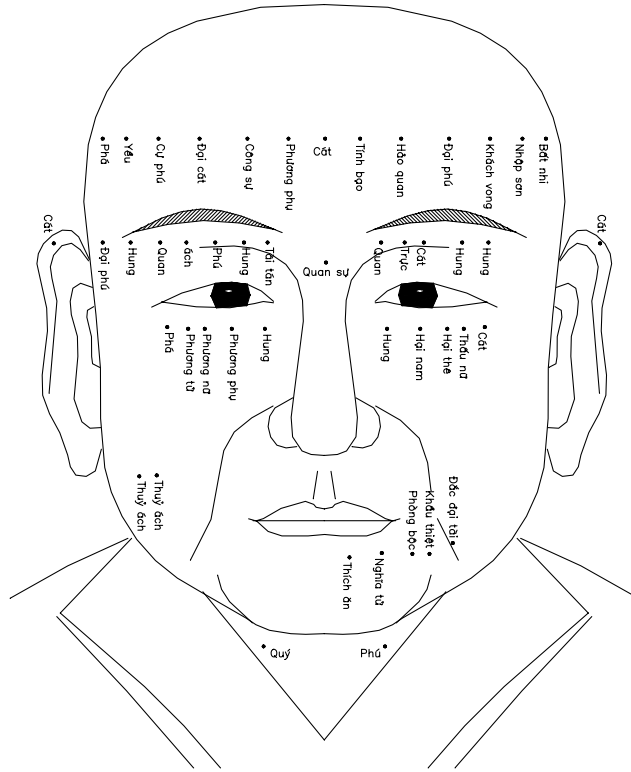
**CỬ CHÂU BÁT QUAI
CAN CHI ĐỒ**



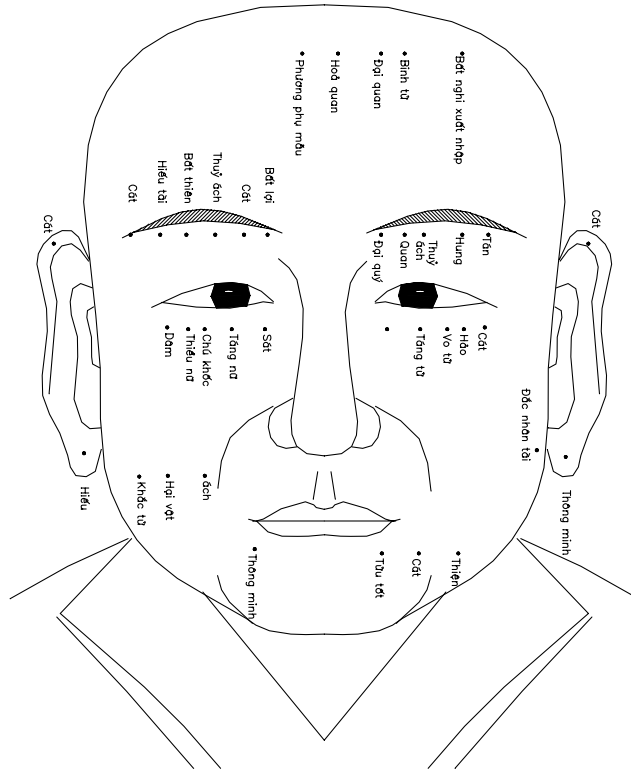
**TỨ HỌC ĐƯỜNG
BÁT HỌC ĐƯỜNG ĐỒ**



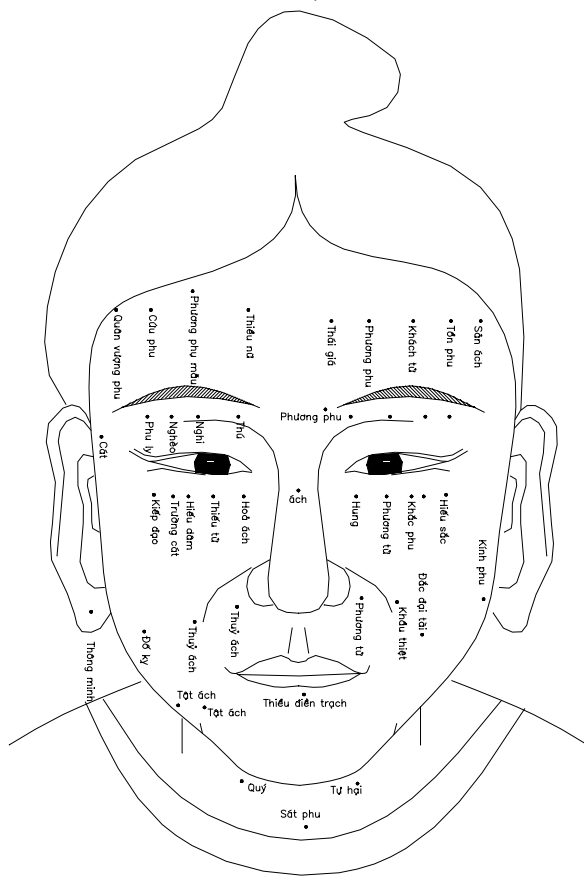
LUẬN NHÂN DIỆN CHÍ



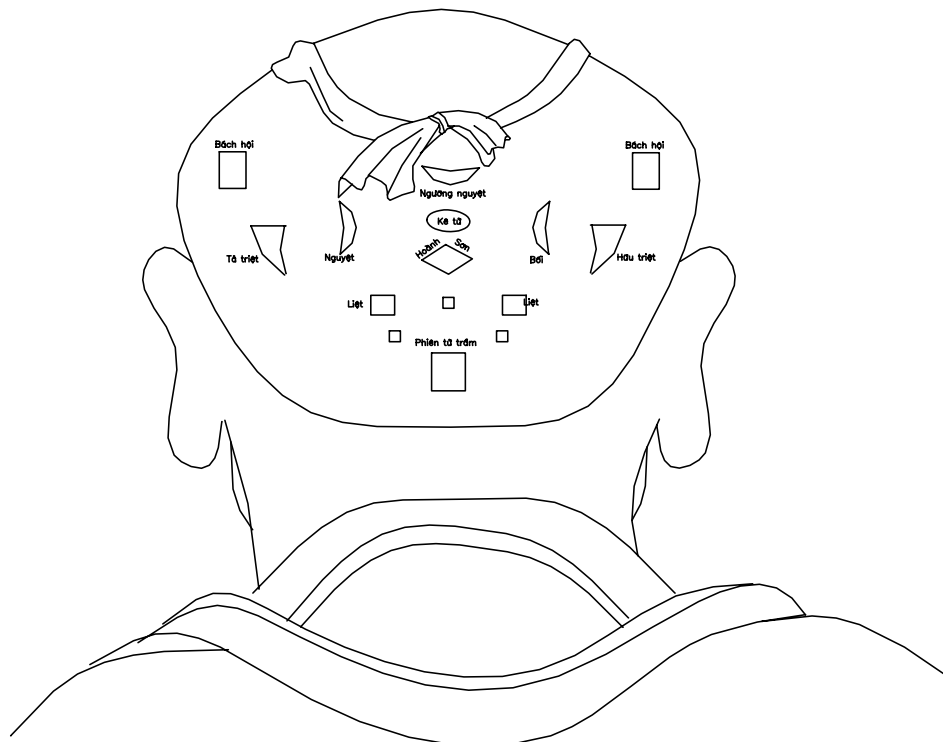
NAM NHÂN DIỆN CHÍ



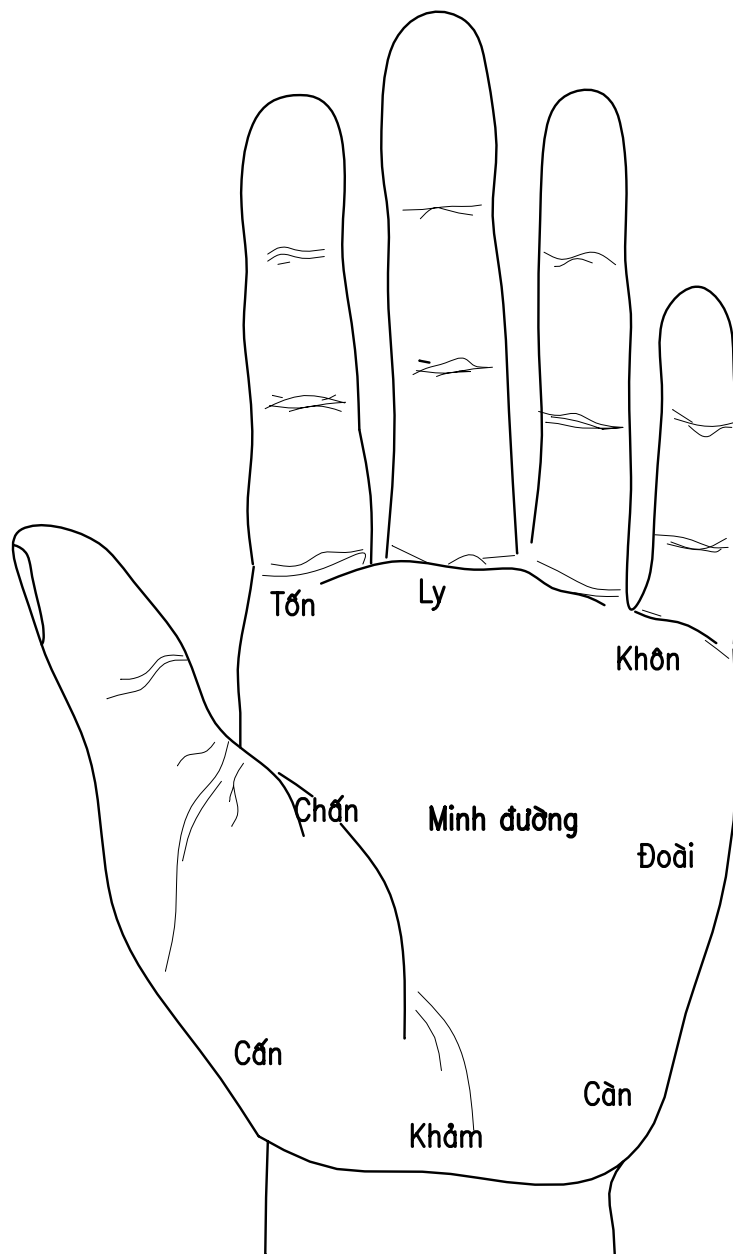
NỮ NHÂN DIỆM CHÍ




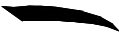
















NGỌC TRẮM ĐỒ






BẢN ĐỒ VỊ TRÍ CÁC CUNG TRONG LÒNG BÀN TAY






























TUỞNG LÔNG MÀY













| | | |
|---|---|---|
| <p>GIAO NGA MI</p>  <p>Lông mày hai đầu liền nhau. Nghèo hèn, phá hại gia tài, hại lây anh em. Cha mẹ mỗi người một nơi</p> | <p>HOÀNG BẠC MI</p>  <p>Lông mày vàng mà đậm bạc. Phá hại gia tài, khắc anh em. Chết nơi quê người đất khác, lúc trẻ hơi phong lưu</p> | <p>BÁT TỰ MI</p>  <p>Lông mày chữ bát. Sống lâu, không anh em, có vợ, đủ ăn, hiếm con</p> |
| <p>LIỄU DIỆP MI</p>  <p>Lông mày lá liễu. Có công danh, anh em không thân yêu nhau. Chơi với bạn nói thể nào y thể, muộn con</p> | <p>TIỀN THANH HẬU SƠ MI</p>  <p>Lông mày đầu thanh thú, cuối thưa thưa. Công danh sớm đạt của cải bình thường, lúc già quan tước to, giàu có</p> | <p>QUỶ MI</p>  <p>Lông mày dữ tợn như quỷ. Người vô lương, nhân nghĩa giả, hay làm sự độc ác, không đủ ăn, hay nghĩ mưu để ăn trộm của người ta.</p> |
| <p>TẢO CHỮ MI</p>  <p>Lông mày chổi sể. Sống lâu anh em ghét nhau. Lúc già nghèo khổ</p> | <p>LA HÁN MI</p>  <p>Lông mày La-hán. Lúc trẻ vất vả, chậm đường vợ con</p> | <p>KIỆM MI</p>  <p>Lông mày mũi kiếm. Làm quan to, sống lâu, mạnh khỏe</p> |
| <p>KHINH THANH MI</p>  <p>Lông mày nhỏ mà thanh. Anh em làm lên</p> | <p>SƠ TÁN MI</p>  <p>Lông mày thưa tán không tụ của, chỉ được đủ dùng.</p> | <p>THẮT ĐAO MI</p>  <p>Lông mày dao lem. Tính giữ tợn, bụng gian hiểm, ngoài mặt tử tế sau hải tội mà chết</p> |
| <p>LONG MI</p>  <p>Lông mày Rồng. Làm nên, anh em cũng phú quý, cha mẹ giàu sang</p> | <p>SỬ TỬ MI</p>  <p>Lông mày Sư tử. Có công danh to nhưng hơn muộn, càng già càng giàu sang</p> | <p>ĐOẢN SỨC TỬ MI</p>  <p>Lông mày ngắn mà tốt. Sống lâu, không dối ai, đức tính vẹn toàn, anh em có người hào hiệp</p> |
| <p>TOÀN LOA MI</p>  <p>Lông mày ốc bò, có oai quyền, anh hùng, làm quan võ</p> | <p>TÀN NGUYỆT MI</p>  <p>Lông mày như mặt giăng mới mọc. Các anh đều đỗ đạt, phú quý</p> | <p>THẢI ĐOẢN SỨC MI</p>  <p>Lông mày ngắn tốt mà đuôi hơi vàng. Giàu có, vợ hiền, con giỏi</p> |

| | | |
|---|---|--|
| <p>NHẤT TỰ MI</p>  <p>Lông mày thẳng như một cái vạch. Đỗ đạt sớm, giàu có, vợ chồng đãi nhau như khách, ít anh em</p> | <p>HỔ MI</p>  <p>Long mày hổ. Rất can đảm không được giàu có nhưng làm nên to</p> | <p>THANH TÚ MI</p>  <p>Lông mày thanh tú, tốt đẹp. Rất thông minh, đỗ sớm, anh em đều khá giả</p> |
| <p>NGỌA TÂM MI</p>  <p>Lông mày con tâm. Trong lòng khôn khéo, xử sự nhanh nhẹn, đỗ sớm, anh em không được hoà thuận</p> | <p>TIÊU TẢO CHỮU MI</p>  <p>Long mày chổi sể nhỏ. Anh em bất hoà, lại hay làm hại lẫn nhau</p> | <p>MÔN ĐOẠN MI</p>  <p>Anh em không thuận hoà, tiền của bất thường, hại cha mẹ vợ con</p> |




CÁC LOẠI TƯỚNG MẮT









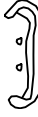


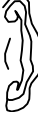

| | | |
|--|---|--|
| <p>LONG NHỖN</p>  <p>Mắt rồng, mắt to, lông mắt đen lòng mắt trắng phân minh. Giàu có, làm quan đến cực phẩm</p> | <p>QUY NHỖN</p>  <p>Mắt rùa. Mắt tròn lông lánh như làn sóng. Sống lâu, phong lưu con cháu nhiều</p> | <p>SƯ TƯ NHỖN</p>  <p>Mắt sư tử. Mắt có oai, tính khí lỗ mãng. Giàu có, sống lâu.</p> |
| <p>KHÔNG TƯỚC NHỖN</p>  <p>Mắt chim sẻ. Mắt đen mà sáng, xanh nhiều trắng ít. Tính thanh khiết liêm hoà, vợ chồng hoà thuận, giàu có suốt đời</p> | <p>THỜI PHONG NHỖN</p>  <p>Mắt hoà thuận. Trông ngay thẳng. Có lượng bao dung, giàu sang</p> | <p>ÂM DƯƠNG NHỖN</p>  <p>Mắt to mắt bé. Hay trông trộm. Giàu có nhưng biển lận</p> |
| <p>PHƯỢNG NHỖN</p>  <p>Mắt phượng. Thông minh, công danh hơn người</p> | <p>TƯỢNG NHỖN</p>  <p>Mắt voi. Mắt nhỏ mà dài, có vân như lớp sóng ở hai bên mí. Nhân hoà, giàu sang, sống lâu</p> | <p>HỔ NHỖN</p>  <p>Mắt hùm. Mắt to, vàng nhạt, con người hoặc ngán, hoặc tròn. Có oai, tính cương nghị, trầm trọng, giàu sang về già con cái có hại</p> |

| | | |
|---|---|--|
| <p>UYÊN ƯƠNG NHỠN</p>  <p>Mắt chim uyên ương. Mắt sáng tròn mà lộ. Vợ chồng hoà thuận giàu có mà dâm dật</p> | <p>THUY PHƯƠNG NHỠN</p>  <p>Mắt phượng ngữ. Có văn tài, học rộng đáng sung hàn lâm viện</p> | <p>H HÌNH HẠC NHỠN</p>  <p>Mắt hình chim hạc . Lòng đen lòng trắng phân minh, trong trẻo, sáng láng, trông thẳng. Quãng trung niên (31 đến 50) làm lên danh giá</p> |
| <p>HÀU NHỠN</p>  <p>Mắt khí. Mắt dentinh thần nhanh nhẹn. Thích ăn hoa quả, giàu sang</p> | <p>THUỐC NHỠN</p>  <p>Mắt chim bồ câu. Vẻ mắt xinh đẹp. Lúc trẻ phú quý, nhưng phát đạt lúc già</p> | <p>NGŨ NHỠN</p>  <p>Mắt trâu. Mắt to gương tròn. Sống lâu giàu có</p> |
| <p>MINH PHƯỢNG NHỠN</p>  <p>Mắt chim phượng kê. Mắt trông thấy tai mà không lộ tinh thần. Chí khí cao, hiền đạt to</p> | <p>NHẠN NHỠN</p>  <p>Mắt chim nhạn. Gương mắt đen, có nghê khí làm quan to, giàu có</p> | <p>NGA NHỠN</p>  <p>Mắt ngan. Vẻ mắt sáng, lòng trắng ít, lòng đen nhiều, hiền lành sống lâu</p> |
| <p>ĐÀO HOA NHỠN</p>  <p>Mắt như đào hoa. Mắt lẳng ai trông thấy cũng yêu. Dâm dục</p> | <p>DƯƠNG NHỠN</p>  <p>Mắt dê. Mắt hơn đen vàng, phá hại gia tài, lúc trẻ đủ ăn, về già thì nghèo</p> | <p>CHƯ NHỠN</p>  <p>Mắt lợn. Gương mắt lồi, lòng trắng đục. Tính dữ tợn, giàu sang nhưng phải tội</p> |
| <p>LOAN NHỠN</p>  <p>Mắt chim loan. Mắt hơn dài, làm quan cận thân, cự phú</p> | <p>LỘ VỤ NHỠN</p>  <p>Mắt cò. Mắt vàng, lúc trẻ giàu có nhưng lúc già bần hàn</p> | <p>HÙNG NHỠN</p>  <p>Mắt gấu. Gương mắt tròn, dữ tợn và xấu lúc chết không được tử tế</p> |
| <p>TUÝ NHỠN</p>  <p>Mắt say. Mắt lơ đờ, hoe đỏ vàng. Dâm chết non, làm việc gì cũng không thành</p> | <p>NGƯ NHỠN</p>  <p>Mắt có mắt lồi, hôn ám, lơ đờ chết non</p> | <p>XÀ NHỠN</p>  <p>Mắt rắn. Gương mắt lồi, tròn đỏ, độc ngầm</p> |













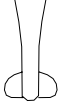
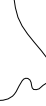

| | | |
|--|--|---|
| <p>LANG NHỖN</p>  <p>Mắt con lang. Mắt vàng, trông xuống, tham, hèn, giàu có, lúc chết không được tử tế</p> | <p>VIÊN NHỖN</p>  <p>Mắt vượn. Gương mắt vàng. Hay nghi ngờ và biển lận</p> | <p>HÀ MỤC</p>  <p>Mắt tôm. Mắt tròn lộ, chí tam làm giàu không thọ</p> |
| <p>HẠC NHỖN</p>  <p>Mắt hạc. Mắt trong trẻo có tinh thần chí khí làm quan to</p> | <p>MÃ NHỖN</p>  <p>Mắt ngựa. Mắt lộ, trông lúc nào cũng buồn. Suốt đời khổ sở đường vợ con cũng kém</p> | <p>LINH NHỖN</p>  <p>Mắt chơi chơi. Mắt vàng hơi tòn loạn dâm có công danh nhỏ</p> |
| <p>PHỤC TÊ NHỖN</p>  <p>Mắt con tê quỳ. Mắt to, trông thanh, bụng dạ hiền lành. Làm quan to, giàu có, sống lâu</p> | <p>LỘC MỤC</p>  <p>Mắt hươu. Gương mắt đen, tính cấp, đi nhanh. Hốt nhiên làm lên danh giá, giàu có</p> | <p>GIÀ MỤC</p>  <p>Mắt cua. Gương mắt tròn, tính ương, ngu dốt, bất nhiên không thích con cái đủ ăn</p> |
| <p>YÊN MỤC</p>  <p>Mắt chim én. Mắt sâu, lòng đen lòng trắng rõ ràng. Tín nghĩa, khéo chân khéo tay, vất vả nhưng đủ ăn</p> | <p>GIA CÔ MỤC</p>  <p>Mắt chim giá cô. Mắt đỏ vàng, suốt đời không được sung sướng</p> | <p>MIÊU MỤC</p>  <p>Mắt mèo. Gương mắt vàng. Tính hiền hoà, được nhờ quý nhân và cũng có tài có lực.</p> |










TƯỚNG TAI

| | | |
|---|---|--|
| <p>MỘC NHĨ</p>  <p>Tai thuộc hành mộc. Ranh tai quạt ra ngoài, cốt tai phải lại. Nghèo hèn</p> | <p>KIM NHĨ</p>  <p>Tai trắng như hành kim. Trắng hơn mặt, cao hơn lông mi một tấc, ranh tai nhỏ, dái tai tròn dài, thông xuống làm quan to có tiếng và giàu có, nhưng về già sát vợ con.</p> | <p>THUỶ NHĨ</p>  <p>Tai thuộc hành thủy. Tai đỏ, bóng, dày, cứng và cao hơn lông mi. Dái tai tròn mà dài thông xuống làm quan to đầu đầu đều biết tiếng</p> |
|---|---|--|

| | | |
|--|---|---|
| <p style="text-align: center;">HOẢ NHĨ</p>  <p>Tai thuộc hành hoả. Tai cao, ranh tai nhọn, vành tai bẹt. Làm quan sống lâu về già cô độc</p> | <p style="text-align: center;">THỔ NHĨ</p>  <p>Tai thuộc hành thổ. Tai to, dày, đỏ bóng. Làm quan giàu có và sống lâu</p> | <p style="text-align: center;">HỔ NHĨ</p>  <p>Tai hùm. Tai nhỏ, ranh và vành đều tản nát. Có oai quyền phú quý nhưng quan gian hiểm</p> |
| <p style="text-align: center;">TRƯ NHĨ</p>  <p>Tai lợn. Không có vành và rãnh. Nghèo khổ và cô độc</p> | <p style="text-align: center;">ĐẠI QUỲ THUỖ KIẾN NHĨ</p>  <p>Tai rú xuống vai, sang lăm. Tai cao quá lông mày. Sắc tai sáng tươi, sau tai dày, dái tai tròn và thông xuống tận vai. Làm vua</p> | <p style="text-align: center;">BẢN TIỆN KHAI HOA NHĨ</p>  <p>Tai như hoa nở mà mỏng. Dầu có bao nhiêu của cũng phá hết, về già nghèo khổ</p> |
| <p style="text-align: center;">THŨ NHĨ</p>  <p>Tai chuột. Không cốt mà vênh ra. Phá tán, gian tham, trộm cắp</p> | <p style="text-align: center;">KỶ TỬ NHĨ</p>  <p>Tai tròn như con cò. Rãnh tai sâu mà vành tai bao bọc lấy. Sang trọng, giàu có, tay trắng làm nên</p> | <p style="text-align: center;">TIÊN VÔ NHĨ</p>  <p>Tai phần trên cao qua mi hơn một tấc. Dưới như cánh tên cò, dái tai vênh lên. Phá tán gia tài, nghèo khổ</p> |
| <p style="text-align: center;">ĐÊ PHẢN NHĨ</p>  <p>Tai thấp, vành tai bạt, ranh chia ra. Nghèo hèn chết non.</p> | <p style="text-align: center;">PHÚC LỘC NHĨ</p>  <p>Hai tai dán vào óc. Rãnh tai, vành tai bền cứng, áp mi mắt. Nhà sung sướng giàu sang lâu dài.</p> | <p style="text-align: center;">PHÁ THỊ PHIÊN PHONG NHĨ</p>  <p>Hai tai hướng ra đằng trước hình như hứng lấy gió. Lúc trẻ sung sướng, nữa chừng phá hết gia tài, về già chết nơi tha hương.</p> |
| <p style="text-align: center;">LŨ NHĨ</p>  <p>Tai lũa, có rãnh có vành, dái tai thông xuống, nhưng mềm yếu. Nghèo, càng về già càng bản khổ.</p> | | |


CÁC LOẠI TƯỚNG MŨI

| | | |
|---|---|--|
| <p>LONG TỊ</p>  | <p>SƯ TỬ TỊ</p>  | <p>NGŨU TỊ</p>  |
| <p>Mũi rộng. Mũi nở, sống mũi đầu mũi đáng giữa sống cao vồng lên. Sang trọng nhất trên đời</p> | <p>Mũi sư tử. Sống mũi hơi thấp, đầu sống mũi nở. Làm quan to giàu có</p> | <p>Mũi trâu. Mũi nở đầu có lượng bao dung, giàu có</p> |
| <p>THINH LANG TỊ</p>  | <p>CẦU TỊ</p>  | <p>HỔ TỊ</p>  |
| <p>Mũi như cái túi phồng, trên nhỏ hai bên tròn đều. Quan to và đại phú</p> | <p>Mũi chó. Sống mũi gồ cao, hai lỗ héch lên. Có nghĩa, lúc nghèo hay ăn trộm</p> | <p>Mũi mùn. Mũi tròn, lỗ kín sống mũi thẳng. Giàu có ít người bằng</p> |
| <p>HUYỀN ĐÓN TỊ</p>  | <p>TIỆT ĐỒNG TỊ</p>  | <p>HÀU TỊ</p>  |
| <p>Mũi như quả mật trên. Đầu mũi bằng, sống mũi không gầy. Sang trọng và giàu có</p> | <p>Mũi như ống ngăn. Đầu mũi đều thẳng, sống mũi hơi mềm. Tính thẳng có công danh và giàu có</p> | <p>Mũi khi. Đầu mũi nở, sống mũi phẳng và to. Nghèo khó</p> |
| <p>TỨC NGŨ TỊ</p>  | <p>HỔ DƯƠNG TỊ</p>  | <p>PHỤC TÊ TỊ</p>  |
| <p>Mũi cá giếc. Đầu mũi rú xuống, sống mũi nhỏ gầy như sống cá. Nghèo hèn</p> | <p>Mũi dê dợ hồ. Mũi to, đầu mũi nở sống mũi không gờ xương lên làm quan, giàu có tiếng trên đời</p> | <p>Mũi con tê quỳ. Mũi đầu, sống mũi thẳng gầy mà không lộ xương. Làm quan to</p> |
| <p>TOÁN ĐẦU TỊ</p>  | <p>ỪNG CHUỖ TỊ</p>  | <p>TAM LOAN TAM KHÚC TỊ</p>  |
| <p>Mũi như đầu củ tỏi, sống mũi thẳng thon đầu mũi nở. Anh em hoà thuận, đại phú</p> | <p>Mũi chim cắt. Sống mũi lộ đầu mũi nhọn. Rất độc ác, gian hiểm</p> | <p>Mũi ba chỗ lồi ra, ba chỗ lõm vào. Rất xấu, hoá vợ, hoá chồng, không con</p> |

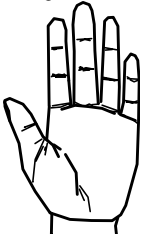
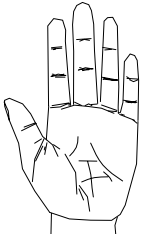






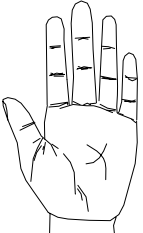



| | | |
|---|--|---|
| <p style="text-align: center;">KIỂM PHONG TỊ</p>  <p>Mũi đầu kiếm, cạnh mũi lộ, sóng mũi như sóng dao, đầu mũi không có thịt. Không ưa mình, gian ác và khô sờ.</p> | <p style="text-align: center;">LỘ TÍCH TỊ</p>  <p>Mũi dơ xương, sóng mũi gầy, sóng mũi nhỏ. Nghèo hèn</p> | <p style="text-align: center;">TĨNH TỊ</p>  <p>Mũi đười ươi. Chỗ ty-lương cao khời (xem bản đồ) Có nghĩa và phú quý</p> |
| <p style="text-align: center;">THIÊN AO TỊ</p>  <p>Mũi lõm một bên. Sóng mũi nhỏ, gàn đầu mũi thấp. Nghèo khổ và chết non.</p> | <p style="text-align: center;">LỘ TÁO TỊ</p>  <p>Mũi như búp lò rỗng, lỗ mũi nhỏ, cửa mũi to. Tính hay ghen ghét, giá dối và nghèo hèn</p> | <p style="text-align: center;">LỘC TỊ</p>  <p>Mũi hươu. Đầu mũi tròn. Tính khí hiền hậu, giàu có và sang trọng</p> |
| <p style="text-align: center;">CÔ PHONG TỊ</p>  <p>Mũi như ngọn núi một mình. Mũi to, sóng mũi cao lồi lên. Không có của cải để ra và chơ chọi một thân</p> | <p style="text-align: center;">CHƯƠNG TỊ</p>  <p>Mũi chó sói. Mũi nhỏ, đầu mũi nhọn mà lỗ hờ. Tính tình bạc ác khô sờ</p> | <p style="text-align: center;">VIÊN TỊ</p>  <p>Mũi vượn. Mũi cao lỗ rộng. Sóng mũi dài. Khô sờ không đủ ăn, chết nơi tha hương.</p> |













CÁC TƯỚNG MIỆNG













| | | |
|--|--|---|
| <p style="text-align: center;">TỨ TỰ KHẨU</p>  <p>Mồm có góc như chữ tứ. Môi trên moi dưới bằng nhau, hai mép vênh lên. Thông minh, làm quan giàu có</p> | <p style="text-align: center;">CUNG KHẨU</p>  <p>Mồm cung như hình cái cung. Hai môi dày mà đỏ tươi. Sang trọng và giàu có</p> | <p style="text-align: center;">HỔ KHẨU</p>  <p>Miệng hùm. Mồm rộng. Nói có oai, nhà giàu đại tư bản</p> |
| <p style="text-align: center;">SUY HOẢ KHẨU</p>  <p>Mồm hổ như thối lữa. Nghèo khổ, chết non</p> | <p style="text-align: center;">HÀU KHẨU</p>  <p>Mồm khi. Hai môi dài trông như có giáng vui mừng mà dài. Bụng tốt, phong lưu và sống lâu</p> | <p style="text-align: center;">KHẨU PHƯƠNG</p>  <p>Mồm vuông. Môi trên môi dưới bằng nhau, kín và đỏ như son, cười không hở răng là</p> |













| | | |
|--|---|---|
| <p style="text-align: center;">NGŨU KHẨU</p>  <p>Mồm trâu. Hai môi dày mà đẹp. Sang trọng, giàu có, sống lâu</p> | <p style="text-align: center;">DƯƠNG KHẨU</p>  <p>Mồm dê. Mồm nhọn, không râu, môi mỏng nghèo hèn</p> | <p style="text-align: center;">SÔ VẪN KHẨU</p>  <p>Mồm có vằn như vằn tre. Môi trông như khóc. Làm ăn khó nhọc. Lúc trẻ đủ ăn, lúc già khổ sở, chơ chọi một mình</p> |
| <p style="text-align: center;">CHIÊM NGŨ KHẨU</p>  <p>Mồm cá ngỗng. Mép rộng môi dưới nhọn. Cả hai môi cùng méo. Nghèo hèn, chết non</p> | <p style="text-align: center;">NGŨƠNG NGUYỆT KHẨU</p>  <p>Mồm như mặt giếng ngửa lên. Môi đỏ như son. Làm quan to và giàu có</p> | <p style="text-align: center;">LONG KHẨU</p>  <p>Mồm rồng. Hai môi dài và vững. Coi có vẻ thanh kỳ đụp đề. Sang trọng và giàu có</p> |
| <p style="text-align: center;">CHƯ KHẨU</p>  <p>Mồm lợn. Môi trên dài rộng và thở. Dưới nhọn và hay chảy rãi. Bụng gian hiểm, nghèo khó, lúc chết khổ sở.</p> | <p style="text-align: center;">ANH ĐÀO KHẨU</p>  <p>Mồm như quả anh đào. Mồm nhọn, môi bóng, răng như hạt lựu và đều, điệu cười như hoa sen. Thông minh làm quan giàu có</p> | <p style="text-align: center;">TÚC NGŨ KHẨU</p>  <p>Mồm cá diếc. Miệng nhỏ. Không đủ ăn, nghèo hèn, và chết non</p> |
| <p style="text-align: center;">PHÚC THUYỀN KHẨU</p>  <p>Mồm trè như cái thuyền úp. Môi thâm như miếng thịt trâu. Hèn hạ, cùng khổ suốt đời.</p> | | |













VĂN TRONG LÒNG BÀN TAY













| | | |
|--|--|---|
| <p>TỨ QUÝ VĂN</p>  <p>Vạch tay theo sắc 4 mùa: Xuân xanh, Hạ đỏ, Thu trắng, Đông đen, thì tốt. Nếu trái thì xấu</p> | <p>DÀI ẤN VĂN</p>  <p>Vạch hình chữ ấn làm quan đến Thái sư</p> | <p>KIM HOA ẤN</p>  <p>Vạch hình chữ cái ấn hoa. Con giai làm đến tước hầu, con gái lấy chồng quan sang</p> |
| <p>SONG NGƯ VĂN</p>  <p>Vạch hình hai con cá. Sắc đỏ bóng mà lên quá chỗ thiên đình. Làm quan đến Tam công</p> | <p>BÁI TƯỚNG VĂN</p>  <p>Vạch hình đàn cầm. Được phong làm tướng</p> | <p>BINH PHỤ VĂN</p>  <p>Vạch hình cán ấn nhà binh. Đỗ sớm làm quan đến nhất phẩm</p> |
| <p>NHẠCH CHẶN VĂN</p>  <p>Vạch hình hàng nhận bay. Làm quan to</p> | <p>LỤC HOA VĂN</p>  <p>Vạch hình hoa sáu cánh. Làm quan sớm đến Tể tướng. Càng già càng thịnh đạt</p> | <p>HUYỀN NGƯ VĂN</p>  <p>Vạch hình con cá treo. Thi cử thường đỗ đầu</p> |
| <p>ĐỘC CHIÊU VĂN</p>  <p>Vạch một chiêu. Lão cảnh làm quan càng tốt</p> | <p>BÀO VƯỢNG VĂN</p>  <p>Vạch hình mặt giếng tròn. Làm đến tước hầu</p> | <p>KIM QUY VĂN</p>  <p>Vạch hình con rùa vàng. Giàu sang sống lâu</p> |

| | | |
|---|--|--|
| <p style="text-align: center;">NGỌC QUẾ VĂN</p>  <p>Vạch hình cây quế ngọc. Người có đôn lực, làm quan tướng</p> | <p style="text-align: center;">BÚT TRẦN VĂN</p>  <p>Vạch hình trện bút đồ sòm, giàu sang sống lâu</p> | <p style="text-align: center;">TỬ TRỰC VĂN</p>  <p>Vạch hình 4 vạch thẳng sắc đỏ tươi. Làm quan đến chức vạn đô hầu</p> |
| <p style="text-align: center;">THIÊN ÁN VĂN</p>  <p>Vạch hình cái ấn ở chỗ Càn vì nếu người làm quan, thì được phi chí công danh, thường nhân thì tiền của như nước</p> | <p style="text-align: center;">TAM NHẬT VĂN</p>  <p>Vạch hình ba chữ nhật. Đỡ cao, tiếng hay chữ lừng trong thiên hạ</p> | <p style="text-align: center;">CAO PHÙ VĂN</p>  <p>Vạch mọc ở chỗ ngón tay vô danh, sắc tay đỏ tươi có đôn lực chí khí hơn người phú quý</p> |
| <p style="text-align: center;">TAM KỶ VĂN</p>  <p>Ba vạch mọc chỗ ngón tay vô danh. Làm đến tể tướng</p> | <p style="text-align: center;">LẬP THÂN VĂN</p>  <p>Vạch chữ thử. Bàn tay sắc hồng. Làm quan đến tể tướng</p> | <p style="text-align: center;">NGỌC TỈNH VĂN</p>  <p>Vạch hình chữ tỉnh quan to nhất trong triều</p> |
| <p style="text-align: center;">MỸ LỘC VĂN</p>  <p>Suốt đời phong lưu</p> | <p style="text-align: center;">HỌC ĐƯỜNG VĂN</p>  <p>Vạch mọc từ ngón cái hình như mắt phật. Đỡ đại khoa</p> | <p style="text-align: center;">PHÚC HẬU VĂN</p>  <p>Sống lâu và giàu có</p> |





| | | |
|--|---|---|
| <p style="text-align: center;">TIÊU QUỶ VẤN</p>  <p style="text-align: center;">Phong lưu</p> | <p style="text-align: center;">XUYÊN TỰ VẤN</p>  <p style="text-align: center;">Vạch hình chữ Xuyên sống lâu</p> | <p style="text-align: center;">TAM PHONG VẤN</p>  <p style="text-align: center;">Ba vạch mọc ở cung Tốn, Ly, Khôn sắc đỏ hồng. Sang trọng nhiều của cải, lằm ruộng nương</p> |
| <p style="text-align: center;">CHÂN QUÁI VẤN</p>  <p style="text-align: center;">Vạch hình què Chân . Vân hắc hãm thì hiếm com</p> | <p style="text-align: center;">HOA CÁI VẤN</p>  <p style="text-align: center;">Có lợi lộc, được nhờ âm công</p> | <p style="text-align: center;">ÂM ĐỨC VẤN</p>  <p style="text-align: center;">Thông minh hiền hậu, sống lâu</p> |
| <p style="text-align: center;">SƠN QUANG VẤN</p>  <p style="text-align: center;">Tĩnh ưa nhàn, chơ chơi một mình. Làm tăng đạo</p> | <p style="text-align: center;">ẤN SƠN VẤN</p>  <p style="text-align: center;">Vạch hình núi ấn. Tĩnh hiền hậu, thích tĩnh tịch</p> | <p style="text-align: center;">DẬY ĐẢ VẤN</p>  <p style="text-align: center;">Vạch mọc ở cung mệnh. Thích thanh tĩnh, ham ảo thuật</p> |
| <p style="text-align: center;">LOẠN HOA VẤN</p>  <p style="text-align: center;">Vạch hình hoa toan. Thích ưa xa hoa, mê gái, không thiết việc nhà</p> | <p style="text-align: center;">HOA TỬ VẤN</p>  <p style="text-align: center;">Vạch hình hao tử. Hạm rượu mê gái say sưa suốt đời</p> | <p style="text-align: center;">HOA LIỄU VẤN</p>  <p style="text-align: center;">Vạch cây liễu hoa. Tĩnh thích phong lưu, đêm ngày lằm nộn trong trồn tửu lạc</p> |

| | | |
|--|---|--|
| <p>HỌC ĐƯỜNG VẤN</p>  <p>Vạch mọc từ mé ngoài, hướng vào trong lòng. Nhiều nghề tài giỏi</p> | <p>SA LUÂN VẤN</p>  <p>Được phong là chư hầu</p> | <p>GI HỌC VẤN</p>  <p>Quý nhân vì nề, có danh giá, nếu làm tăng đạo thì có tiếng, thường nhân thì giàu có</p> |
| <p>THIÊN HỈ VẤN</p>  <p>Nhiều phúc lộc</p> | <p>CHIẾT QUẾ VẤN</p>  <p>Đỗ đạt cao</p> | <p>TAM TÀI VẤN</p>  <p>Vạch hình tam tài. Suốt đời sung sướng</p> |
| <p>LY QUÁI VẤN</p>  <p>Vạch hình quẻ Ly. Sang trọng</p> | <p>NGÂN HÀ VẤN</p>  <p>Vạch hình sông Ngân hà. Không hợp vợ con tự mình làm nên thịnh vượng</p> | <p>KHÂM NGƯ VẤN</p>  <p>Vạch hình cá ở cung khâm sang trọng, giàu có</p> |
| <p>CHÍ TUỆ VẤN</p>  <p>Vạch hình giáo dài. Tính khí hiền lành đa tư lự. Suốt đời vô họa</p> | <p>CHỦ SƠN VẤN</p>  <p>Vạch hình núi mọc. Phần ra nhân tnh. phần mong uy quyền. Đi tu hay làm tăng đạo</p> | <p>THIÊN KIM VẤN</p>  <p>Giàu có</p> |

| | | |
|---|---|---|
| <p style="text-align: center;">HOA HOA VẪN</p>  <p>Vạch hình thoi hoa. Thích gái đẹp, đến đâu ai cũng có bụng yêu thương</p> | <p style="text-align: center;">THÂU HOA VẪN</p>  <p>Mê sắc thích vợ người</p> | <p style="text-align: center;">SẮC DỤC VẪN</p>  <p>Hiếu sắc vô cùng, bạc đầu cũng còn đắm nguyệt say hoa</p> |
| <p style="text-align: center;">SẮC LAO VẪN</p>  <p>Ham mê ngộ liễu hoa tường, trăng hoa vô độ đến thành bệnh</p> | <p style="text-align: center;">ĐÀO HOA</p>  <p>Vạch hình hoa đào, sa hoa, mê tửu sắc, sau không thành vợ thành chồng với ai</p> | <p style="text-align: center;">UYÊN ƯƠNG VẪN</p>  <p>Vạch hình chim Uyên ương đến già cũng vẫn ham mê tửu sắc</p> |
| <p style="text-align: center;">ĐÀO HOA VẪN</p>  <p>Vạch hình hoa đào. Đêm đặng lấy chòm hoa tường liễu ngộ làm nhà, đến chết vẫn còn mê gái</p> | <p style="text-align: center;">NGƯ VẪN</p>  <p>Vạch hình cá ở cung thể có vợ trinh tiết</p> | <p style="text-align: center;">HOACÁI VẪN</p>  <p>Văn cảnh thể tử tài sản mới hưởng</p> |
| <p style="text-align: center;">NÔ BỘC VẪN</p>  <p>Vạch ở cung nô bộc hướng vào cung thể. Vợ chủ nhà dâm cùng đứa ở</p> | <p style="text-align: center;">THÊ THIẾP VẪN</p>  <p>Vợ dâm dật, tiền đầu bất lợi, văn cảnh tài lộc mới xúng ý</p> | <p style="text-align: center;">KHẮC PHU VẪN</p>  <p>Sớm khắc thân phụ. Không chỗ nương nhờ, về sau cũng khá già</p> |

| | | |
|--|---|--|
| <p>QUÁ TUY VĂN</p>  <p>Bố chết sớm, mẹ đi lấy chồng, con cũng đi theo</p> | <p>NGUYỆT ĐỐC VĂN</p>  <p>Vạch hình gọc mặt giăng. Hay bòn của gái</p> | <p>CHIỀU THIÊN VĂN</p>  <p>Vạch hình chi lên. Vợ loạn dâm mắt cả luân thường</p> |
| <p>SINH CHI VĂN</p>  <p>Vạch hình cành cây. Được vợ giàu hoạt</p> | <p>TAM SÁT VĂN</p>  <p>Vạch hình sát vợ, cô độc</p> | <p>KHẮC MẪU VĂN</p>  <p>Vạch sớm khắc thân mẫu</p> |
| <p>THAM TÂM VĂN</p>  <p>Tham lam của người ta hay dối giá</p> | <p>VONG THÂN VĂN</p>  <p>Phá hết gia tài. Nguy hiểm tính mệnh</p> | <p>KIỆP SÁT VĂN</p>  <p>Vạch ở cung thê mọc vào cung Nô. Vợ có tính thông dâm</p> |
| <p>CHU TƯỚC VĂN</p>  <p>Vạch hình chim sẻ. Chọn đời mắc tội lệ hoặc thương hình</p> | <p>NHẤT CHỦNG VĂN</p>  <p>Cung thê nhiều vạch chữ nhật chồng nhau. Sát hại vợ con cô độc</p> | <p>TỬU TỰ VĂN</p>  <p>Chủ tửu lộc. Giao tiếp toàn quý nhân</p> |

VẠCH TRONG LÒNG BÀN CHÂN

| | | |
|---|---|--|
|  <p>Gan bàn chân có vạch thì sang giàu</p> |  <p>Gan bàn chân không có vạch thì nghèo hèn</p> |  <p>Gan bàn chân có vằn như vằn rùa thì danh giá suốt đời</p> |
|  <p>Gan bàn chân có vằn như loại chim thì có công danh</p> | | |